

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỈNH QUẢNG NGÃI

Bản án số: 55/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29-9-2022

V/v tranh chấp: “Ly hôn,
tranh chấp về nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh.

Bà Nguyễn Thị Thúy Diệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Anh Tuấn - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Trần Hoàng Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 203/2022/TLST-HNGĐ ngày 13/5/2022 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 335/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 417/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1993, địa chỉ: Tổ 5, phường THĐ, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1985, địa chỉ: TDP TTĐ A, phường TQT, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 05-5-2022, bản tự khai ngày 13-5-2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Lê Văn C tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

vào ngày 31 tháng 7 năm 2019. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian sau đó thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là bất đồng quan điểm dẫn đến tình cảm, hạnh phúc gia đình không có. Bà và ông C đã không sống chung với nhau nữa, phần ai nấy sống, không quan tâm đến nhau từ tháng 10 năm 2021. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn C.

- Về con chung: Bà và ông Lê Văn C có 01 con chung là Lê Nguyễn Tú L, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2020. Khi ly hôn, bà yêu cầu giao cháu L cho bà được trực tiếp nuôi dưỡng, bà yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6 năm 2022 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi. Ngày 13/5/2022 bà thay đổi yêu cầu, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng. Hiện nay cháu L đang ở với bà.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

* Bị đơn ông Lê Văn C vắng mặt không trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Về quan hệ tranh chấp đúng quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thẩm quyền thụ lý vụ án đúng thẩm quyền quy định tại Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc tổng đạt các văn bản tố tụng đúng thẩm quyền quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán chấp hành đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự; Về thời gian giải quyết vụ án đúng quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự; Việc chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu đúng quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật Tố tụng dân sự; Vấn đề thu thập chứng cứ đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ các Điều 21, khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147 BLTTDS; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án, đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N. Bà Nguyễn Thị N được ly hôn ông Lê Văn C.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C có 01 con chung là Lê Nguyễn Tú L, sinh ngày 22 tháng 6 năm 2020. Khi ly hôn giao cho bà N được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Linh. Ông Lê Văn C phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10-2022 cho đến khi cháu L đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không có.
- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N, ông C phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn C đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N và ông Lê Văn C tự nguyện tìm hiểu đăng ký kết hôn tại UBND phường Trần Hưng Đạo, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 31 tháng 7 năm 2019 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống chung hạnh phúc sinh được một con. Sau đó bà N và ông Lê Văn C trong cuộc sống bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà N và ông C bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung, phần ai nấy sống, không quan tâm đến nhau. Từ tháng 10 năm 2021 bà N và ông C đã không sống chung với nhau, mục đích của hôn nhân không đạt được. Từ đó bà Nguyệt yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Lê Văn C. Xét thấy lý do xin ly hôn của bà N chính đáng, tình trạng hôn nhân giữa bà N và ông C đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị N, bà Nguyễn Thị N được ly hôn với ông Lê Văn C.

[3] Về con chung: Bà N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Nguyễn Tú L, sinh ngày 22-6-2020, yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con theo quy định pháp luật:

Xét thấy hiện nay cháu L đang ở với bà N sức khỏe vẫn tốt. Bà N có công việc thu nhập ổn định, đảm bảo điều kiện để nuôi cháu L. Do đó, để đảm bảo quyền lợi của con, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà N, giao cháu L cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông C đang làm công nhân cũng có thu nhập ổn định, do đó ông C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng, thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2022 cho đến khi cháu Linh đủ 18 tuổi là phù hợp với các Điều 81, 82, 83, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

[5] Về nợ chung: Không có.

[6] Về án phí vụ án hôn nhân và gia đình: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, bà Nguyệt phải chịu án phí hôn nhân và gia đình 300.000 đồng được trừ 300.000 đồng đã nộp tạm ứng. Ông C phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng.

[7] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[8] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 116, Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 3 Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 235, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

1- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị N ly hôn với ông Lê Văn C.

2- Về con chung: Giao cháu Lê Nguyễn Tú L, sinh ngày 22-6-2020 cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Lê Văn C phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 745.000 đồng (Bảy trăm bốn mươi lăm nghìn đồng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 10 năm 2022 cho đến khi cháu Lê Nguyễn Tú L đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày bên được Thi hành án có đơn yêu cầu Thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

4- Về nợ chung: Không có.

5- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân và gia đình: Bà Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng, được trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002831 ngày 13 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi. Ông Lê Văn C phải chịu 300.00 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

6- Về quyền kháng cáo: Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- UBND P. Trần Hưng Đạo, tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng

